

Bản án số: 282 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 -2022

“V/v Ly hôn giữa chị H và anh B”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**

2. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không có tham gia.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457 /2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223 /2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: tổ 12, ấp 4, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H xin vắng mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Do quen biết chị và anh B tiến đến hôn nhân năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau nên mất hạnh phúc.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/5/2013, hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị H xin ly hôn anh B. Con chung chưa thành niên chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn B dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn B, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H ngày 25/7/2022 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do làm, không thể đến Tòa nhiều lần. Đối với anh Nguyễn Văn B dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh B tiến đến hôn nhân năm 2013, có đăng ký kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên anh chị chỉ chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân do anh chị tính tình không hợp nhau, thường hay xảy ra cự cãi, anh B không lo làm ăn. Chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Đối với anh B dù được tổng Đ đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc chị H ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không Đ được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/5/2013, hiện sống cùng chị H, chị H yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy, con chung được chị H nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay đã có cuộc sống ổn định, cháu Đ cũng có nguyện vọng sống cùng chị H. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung cũng như xem xét nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử tiếp tục giao Nguyễn Tấn Đ cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Con chung: Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/5/2013 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009899 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

